TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 133/2023/DS-ST Ngày 25 - 9 - 2023 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140A/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Hữu V, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (văn bản ủy quyền ngày 05/6/2023) (vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Anh Bùi Đắc T (Bé T1), sinh năm 1986; (vắng mặt)

2. Chị Lê Thị P1, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Hữu V trình bày:

Chị P là chủ hộ kinh doanh Đại lý Bích Phượng, có bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng anh Bùi Đắc T chị Lê Thị P1 từ năm 2018. Đến ngày 12/8/2019, anh T chị P1 xác nhận nợ chị P số tiền là 42.092.000 đồng, anh T chị P1 có ký tên nhận nợ, thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng, hẹn đi làm trả dần cho chị P. Ngoài ra, ngày 27/7/2020, anh T chị P1 mượn chị P thêm số tiền là 15.000.000 đồng để đi trị bệnh, hẹn 01 tháng trả lại. Đến ngày 30/9/2021, anh T trả cho chị P 10.000.000 đồng tiền nợ vay, ngày 20/11/2021 trả 5.000.000 đồng tiền nợ vay. Vì vậy, anh T chị P1 còn nợ lại số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 42.092.000 đồng.

Khi vay của chị P số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 27/7/2020, anh T chị P1 hứa mỗi tháng trả lãi suất là 4%/tháng nên anh T chị P1 tính tiền lãi của 15.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày trả là 8.600.000 đồng và hẹn nợ lại số tiền lãi này. Do đó, chị P cộng số tiền nợ mua phân bón 42.092.000 đồng và tiền lãi nợ vay 8.600.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T chị P1 trả số tiền là 50.692.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/8/2023, chị P yêu cầu anh T và chị P1 trả số tiền nợ gốc mua phân bón là 42.092.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày chốt nợ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử.

Ngày 22/9/2023, anh V thay đổi yêu cầu: chị P yêu cầu anh T và chị P1 trả số tiền nợ gốc mua phân bón là 42.092.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Đắc T và chị Lê Thị P1 đến để giải quyết vụ án nhưng anh Bùi Đắc T và chị Lê Thị P1 đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Bùi Đắc T và chị Lê Thị P1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy P số tiền nợ gốc mua phân bón là 42.092.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử; về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Hữu V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; anh T và chị P1 là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ mua bán giữa chị P và anh T chị P1 được các bên xác lập cuối cùng vào ngày 12/8/2019, không có thời hạn trả nợ nên thời hiệu khởi kiện vụ án tính từ ngày 12/8/2019. Theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết là 03 năm nên đến ngày 13/8/2022 thì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Tuy nhiên, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu tòa án áp dụng thời hiệu nên vụ án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị P khởi kiện yêu cầu anh T và chị P1 trả số tiền nợ gốc mua phân bón là 42.092.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy tổng kết nợ ngày 12/8/2019 (bút lục 39) và lời trình bày của anh V thấy rằng: Anh T và chị P1 có đến cửa hàng của chị P mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, đến ngày

12/8/2019, hai bên thống nhất số tiền anh T và chị P1 nợ chị P là 42.092.000 đồng. Giấy tổng kết nợ không thể hiện lãi; chị P trình bày có thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng; các bên đã mua bán xong và đã chốt nợ ngày 12/8/2019, anh T và chị P1 đã chậm trả tiền nên chị P yêu cầu anh T và chị P1 trả tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 12/8/2019 là phù hợp Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P về số tiền nợ gốc là 42.092.000 đồng, tiền lãi trên số tiền nợ gốc 42.092.000 đồng tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày xét xử 25/9/2023 theo mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể là: 42.092.000 đồng x 0,83%/tháng x 49 tháng 13 ngày = 17.270.207 đồng. Vì vậy, anh T và chị P1 có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền là 59.362.207 (năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm linh bảy) đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 59.362.207 đồng x 5% = 2.968.110 (hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn một trăm mười) đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy P đối với anh Bùi Đắc T và chị Lê Thị P1.

Buộc anh Bùi Đắc T và chị Lê Thị P1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy P số tiền là 59.362.207 (năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm linh bảy) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 42.092.000 đồng, tiền lãi là 17.270.207 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Anh Bùi Đắc T và chị Lê Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.968.110 (hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn một trăm mười) đồng.

Chị Nguyễn Thị Thúy P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.267.300 (một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm) đồng theo biên lai thu số 0018577 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng